

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 89: Lúc Bấy Giờ, Trưởng Lão Tu-Bồ-Đề Ở Trong Đại Chúng, Liên Từ Chỗ Ngồi Đứng Dậy. Trịch Áo Vai Hữu, Gối Phải Quỳ Sát Đất, Chắp Tay Cung Kính Mà Bạch Cùng Phật Rằng

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 006)

Chuyên ngữ: Tịch Minh



【Thời trưởng lão Tu-bồ-đề, tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi. Thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hợp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn.】

(Lúc bấy giờ, trưởng lão Tu-bồ-đề ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy. Trịch áo vai hữu, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính mà bạch cùng Phật rằng.)

Đoạn văn tự này là do người kiết tập kinh điển ghi chép lại, ghi lại việc tôn giả Tu-bồ-đề ở trong pháp hội thay mặt cho chúng ta, đại diện cho chúng ta mà thỉnh pháp. Đây là nói về quy củ khi thỉnh pháp, lễ tiết khi thỉnh pháp; “nghi” chính là lễ tiết. Đối với thầy thì phải cung kính, đối với Phật pháp thì phải cung kính, phải dùng cái tâm chân thành cung kính mà khẩn thiết thưa thỉnh.

“Thời” (Lúc bấy giờ), chính là lúc Thế Tôn đi vào thành lớn Xá-vệ khát thực trở về, cơm nước đã xong, rửa chân rồi, trải tòa mà ngồi, mọi người cũng đều đã an tọa, chính là vào lúc ấy.

“Trưởng lão Tu-bồ-đề”, Trưởng lão là lời xưng hô tôn kính, danh từ này ở chỗ này cũng không cần giới thiệu nhiều.

“Tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi” (Ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy), là từ chỗ ngồi của chính mình mà đứng dậy. Ngài muốn thỉnh pháp thì nhất định phải từ chỗ ngồi của mình đứng lên, đi đến trước mặt Phật, trước tiên là đánh lễ Phật.

“Thiên dẫn hữu kiên” (Trạch áo vai hữu). Bình thường khi mặc y phục thì cả hai bờ vai đều được che kín. Vào thời của Đức Phật, cách ăn mặc rất đơn giản, người xuất gia chỉ có “tam y nhất bát” (ba tấm y và một cái bát). Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, vì để thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt của người Trung Quốc, nên rất nhiều nghi quy trên phương diện đời sống cũng đều đã thay đổi, nhất định phải sửa đổi để phù hợp với môi trường của người Trung Quốc mới được. Trung Quốc nằm ở phía Bắc của Ấn Độ, khí hậu hàn lạnh, ba tấm y quyết định là không thể nào giữ ấm được.

Cho nên, sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, ba tấm y bèn biến thành bộ lễ phục mang tính tượng trưng. Chúng ta hiện nay không giống như người Ấn Độ dùng vải quấn quanh người, mà chúng ta dùng móc và khuy gài, hơn nữa diện tích của tấm y đại khái chỉ còn lại một phần ba; y của Ấn Độ rất lớn, quấn trùm cả toàn thân. Phật giáo Nam truyền ngày nay vẫn còn dùng loại y như quá khứ, điều này mọi người đều đã thấy qua, các sư Nam tông ở nơi này thường hay qua lại, mọi người đều có thể nhìn thấy. Cho nên, ca-sa của Trung Quốc chỉ bằng một phần ba y của họ.

Y của các pháp sư Nhật Bản lại càng nhỏ hơn, càng thuận tiện hơn. Họ làm tám ca-sa ấy tóm gọn lại thành một miếng nhỏ, bình thường thì bỏ trong túi Ấu phục, đến khi cần đắp y thì dùng dây đeo tròng lên trên cổ, lại càng tiện lợi hơn nữa. Đó là để thích hợp với quốc tình của mỗi quốc gia, phương thức sinh hoạt không giống nhau, điều này chúng ta cần phải biết.

“Thiên dẫn hữu kiên”, quý vị phải biết, vì sao khi hành lễ lại phải để lộ cánh tay phải ra ngoài? Giống như cách đắp y của chúng ta đây chính là “thiên dẫn hữu kiên” (trạch áo vai hữu), là để thuận tiện cho việc làm việc. Ở trước mặt Phật hành lễ, không chừng Phật có việc gì sai bảo, bảo mình đi làm ngay, thì tay phải để ở bên ngoài sẽ thao tác công việc được thuận tiện.

Khi quỳ xuống, **“hữu tất trước địa” (gối phải quỳ sát đất)**, đầu gối trái không chạm đất, đây gọi là “Hồ quỳ”. Cách quỳ này đứng dậy rất thuận tiện; trong khi hành lễ mà không quên “thừa sự” (phụng sự), không quên rằng Phật nếu như có việc gì sai bảo thì mình có thể nhanh chóng đi làm ngay, cái ý nghĩa là ở chỗ này. Nếu hai đầu gối đều quỳ xuống đất thì khi đứng dậy sẽ bất tiện, động tác không nhanh lẹ được như vậy, cho nên khi quỳ là chỉ dùng một chân, gối phải chạm đất.

“Hợp chưởng cung kính” (Chấp tay cung kính). Hợp chưởng biểu thị cho nhất tâm. Bình thường bàn tay này buông lung, cái tâm này tán loạn, cho nên nói là vọng tưởng vọng niệm nhiều. Khi đánh lễ Phật, hai bàn tay chấp lại thành một, biểu thị thu nhiếp tất cả vọng niệm trở về, nhất tâm chuyên chú để lắng nghe lời Phật dạy bảo, chuyên tâm để tiếp nhận sự giáo đạo của Phật. Hợp chưởng là biểu thị nhất tâm, tất cả niệm đầu đuôi hợp lại làm một, là biểu thị cái ý nghĩa này. Đây đều là biểu pháp, hợp chưởng đại biểu cho sự cung kính.

“Bạch Phật ngôn” (Mà bạch cùng Phật rằng). “Bạch” là người dưới nói với người trên. Còn Phật nói chuyện với các đệ tử thì gọi là “Phật cáo” (Phật bảo), bảo cho ông biết, bảo là người trên nói với người dưới, còn người dưới thưa với người trên thì dùng chữ “bạch”.

Hiện nay chúng ta đều không còn chú trọng những điều này nữa, bây giờ con cái nói với cha mẹ: “Con bảo cho ba biết”, học trò nói với thầy giáo cũng là: “Em bảo cho thầy biết”. Thời nay không còn giảng trách (coi trọng) nữa, nhưng chúng ta cần phải biết. Tuy nhiên, chúng ta phải “tùy tục”, nhưng trong cái tùy tục đó phải biết giữ gìn sự cung kính, tâm cung kính thì không thể không có; ngôn từ có thể tùy thuận theo thế tục, nhưng tâm cung kính phải đầy đủ. Học Phật là phải học bắt đầu từ chỗ này.